

BIỂU THEO DÕI CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI  
THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

☐ Lò hơi Động lực: ☒ Lò hơi Thu hồi: ☐ Lò hơi Công nghiệp

Ngày 14 tháng 7 năm 2026 Ca: B/C/D

| Ca                       | Kết quả                                     | Lưu lượng<br>(m <sup>3</sup> /h) | Bụi tổng<br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | O <sub>2</sub> (%) | CO<br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | SO <sub>2</sub><br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | NO <sub>x</sub><br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | Áp suất<br>(kPa) | Nhiệt độ<br>(°C) | Ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|--------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|------------------|---------------------|---------|
|                          |                                             |                                  | ≤ 240                             | -                  | ≤ 1.200                     | ≤ 600                                    | ≤ 1.020                                  | -                | -                |                     |         |
| Sáng                     | Giá trị trung bình theo ca                  | 62013                            | 648                               | 80.1               | 5,5                         | 15                                       | 15                                       | 100              | 150              | Đỗ Văn Hưng         |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |         |
| Chiều                    | Giá trị trung bình theo ca                  | 62410                            | 622                               | 20                 | 6,9                         | 1,5                                      | 1,6                                      | 100              | 148,9            | Đỗ Văn Hưng         |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |         |
| Đêm                      | Giá trị trung bình theo ca                  | 60252                            | 562                               | 19,3               | 13,5                        | 1,6                                      | 1,7                                      | 100,4            | 153,8            | Đỗ Văn Hưng         |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |         |
| Giá trị trung bình ngày: |                                             | 62395                            | 619                               | 19,9               | 7,1                         | 1,5                                      | 1,6                                      | 100              | 149,1            | Đỗ Văn Hưng         |         |

Ghi chú: "-": Không quy định

- Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h

- Giá trị trung bình theo ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.

- Giá trị trung bình tại thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.

- Quy định mức phạt khi thông số khí thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20, Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của

Chính phủ ban hành.

BIỂU THEO DÕI CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI  
THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

☒ Lò hơi Động lực; ☐ Lò hơi Thu hồi; ☐ Lò hơi Công nghiệp

Ngày 14...tháng...7...năm 2026 Ca: 3.../....

| Ca                       | Kết quả                                     | Lưu lượng<br>(m <sup>3</sup> /h) | Bụi tổng<br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | O <sub>2</sub> (%) | CO<br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | SO <sub>2</sub><br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | NO <sub>x</sub><br>(mg/Nm <sup>3</sup> ) | Áp suất<br>(kPa) | Nhiệt độ<br>(°C) | Ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú                                      |
|--------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|------------------|---------------------|----------------------------------------------|
|                          |                                             | -                                | ≤ 240                             | -                  | ≤ 1.200                     | ≤ 600                                    | ≤ 1.020                                  | -                | -                |                     |                                              |
| Sáng                     | Giá trị trung bình theo ca                  | 106348                           | 50,5                              | -                  | 6,0                         | -                                        | 0,5                                      | 99,7             | 109,1            | Lô Văn Chuẩn        | thiết bị đo O <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     | đang chờ sửa chữa                            |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     | TCT đang thi                                 |
| Chiều                    | Giá trị trung bình theo ca                  | 106707                           | 49,9                              | -                  | 6,7                         | -                                        | 0,5                                      | 99,6             | 109,5            | Lô Hồng Thắng       | điều tra gần                                 |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     | hết thay thế                                 |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     | thực quy định                                |
| Đêm                      | Giá trị trung bình theo ca                  | 1072934                          | 50,2                              | -                  | 11,5                        | -                                        | 0,5                                      | 99,6             | 114,8            | Trần Hữu Tấn        |                                              |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |                                              |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                                  |                                   |                    |                             |                                          |                                          |                  |                  |                     |                                              |
| Giá trị trung bình ngày: |                                             | 106368                           | 49,8                              |                    | 7,0                         |                                          | 0,5                                      | 99,7             | 116,4            | Phạm Thái Hòa       |                                              |

Ghi chú: "-": Không quy định

- Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h.

- Giá trị trung bình trong ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.

- Giá trị trung bình tại thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.

- Quy định mức phạt khi thông số khí thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20, Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ ban hành.

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM  
NHÀ MÁY ĐIỆN  
\*\*\*\*\*

MB-NMD-231

BIỂU THEO DÕI CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI  
THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

☐ Lò hơi Động lực; ☐ Lò hơi Thu hồi; ☒ Lò hơi Công nghiệp

Ngày 14 tháng 1 năm 2026 Ca: B.C.1.D

| Ca                       | Kết quả                                     | Lưu lượng<br>(m³/h) | Bụi tổng<br>(mg/Nm³) | O₂ (%) | CO<br>(mg/Nm³) | SO₂<br>(mg/Nm³) | NOₓ<br>(mg/Nm³) | Áp suất<br>(kPa) | Nhiệt độ<br>(°C) | Ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|--------------------------|---------------------------------------------|---------------------|----------------------|--------|----------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------|---------------------|---------|
|                          |                                             | -                   | ≤ 240                | -      | ≤ 1.200        | ≤ 600           | ≤ 1.020         | -                | -                |                     |         |
| Sáng                     | Giá trị trung bình theo ca                  | 55222               | 55                   | 18     | 627            | 0,7             | 51              | 103              | 110              |                     |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                     |                      |        |                |                 |                 |                  |                  | Nguyễn Kiên         |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                     |                      |        |                |                 |                 |                  |                  | Nguyễn Kiên         |         |
| Chiều                    | Giá trị trung bình theo ca                  | 68331               | 51,1                 | 17,9   | 624            | 2,4             | 91,1            | 103              | 110              |                     |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                     |                      |        |                |                 |                 |                  |                  |                     |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                     |                      |        |                |                 |                 |                  |                  |                     |         |
| Đêm                      | Giá trị trung bình theo ca                  | 55566               | 55                   | 17,6   | 627            | 3,3             | 71              | 103              | 110              | Trần Kiên           |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |                     |                      |        |                |                 |                 |                  |                  |                     |         |
|                          | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |                     |                      |        |                |                 |                 |                  |                  |                     |         |
| Giá trị trung bình ngày: |                                             | 59706               | 53,7                 | 17,8   | 626            | 2,1             | 71              | 103              | 110              |                     |         |

Ghi chú: "-": Không quy định

- Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h
- Giá trị trung bình trong ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.
- Giá trị trung bình tại thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.
- Quy định mức phạt khi thông số khí thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20, Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ ban hành.